TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SA PA - TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06A/2023/HNGĐ - ST Ngày: 22/3/2023 *V/v "Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con chung"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SA PA – TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Minh Huấn;

2. Ông Đỗ Trọng Bằng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thanh Hương – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Lã Chúc Cương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2022/TLST – HNGĐ ngày 08/11/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa giữa:

Nguyên đơn: Chị Lù Thị M, sinh năm 1995 - Địa chỉ: Thôn S, xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Thào A D, sinh năm: 1988 - Địa chỉ: Thôn L, xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Hiện anh D đang phải chấp hành án tại phân trại số 3, Trại giam T – Cục C1 – Bộ C2. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là: Bà Nông Thị Thúy H – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2023 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Lù Thị M trình bày:

- **Về hôn nhân:** Chị Lù Thị M và anh Thào A D về sống chung với nhau từ năm 2014, đến ngày 12/9/2016 đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Lào Cai (Nay là Ủy ban nhân dân xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong vấn đề nuôi dậy con cái, dẫn đến việc hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, hai vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng tình hình không được cải thiện. Năm 2020, anh D phạm tội "Giết người"; bị phạt 08 năm tù giam, hiện đang chấp hành án tại phân trại số 3, Trại giam T, tỉnh Phú Thọ. Đến nay, chị M đã không còn tình cảm với anh D, mâu thuẫn của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- **Về con chung:** Trong thời gian chung sống chị M và anh D có 04 con chung là cháu Thào Minh B, sinh ngày 22/01/2020; Cháu Thào Sếnh H1, sinh ngày 31/8/2016; Cháu Thào Thị C, sinh ngày 25/4/2018 và cháu Thào A H2, sinh ngày 25/9/2014. Hiện các cháu đều đang ở với mẹ là chị Lù Thị M.

Do anh D đang phải chấp hành án không có điều kiện để chăm sóc các con, nên khi ly hôn chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được chăm sóc và nuôi dưỡng cả bốn cháu B, H1, C, H2 cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi, chị M không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung của vợ chồng.

- Về thu nhập cá nhân: Do chị M làm nghề tự do, làm nương, làm ruộng, thu nhập không ổn định qua các tháng, nên không cung cấp được xác nhận thu nhập để chuyển cho Tòa án.

- **Về tài sản chung và công nợ chung:** Chị M và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Về án phí giải quyết ly hôn chị M đề nghị là người chịu án phí, anh D không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn anh Thào A D trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh Thào A D và chị Lù Thị M về sống chung với nhau từ năm 2014, đến ngày 12/9/2016 đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Lào Cai (Nay là Ủy ban nhân dân xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai) trên cơ sở tự nguyện. Đến năm 2020, anh D bị xét xử án hình sự và phải đi chấp hành án tại phân trại số C, Trại giam T, tỉnh Phú Thọ. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị M anh D không chấp nhận và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống hai vợ chồng có bốn con chung là cháu Thào Minh B, sinh ngày 22/01/2020; Cháu Thào Sếnh H1, sinh ngày 31/8/2016; Cháu Thào Thị C, sinh ngày 25/4/2018 và cháu Thào A H2, sinh ngày 25/9/2014. Hiện các cháu đều đang ở với mẹ là chị Lù Thị M. Do anh D hiện nay đang chấp hành án phạt tù, không có khả năng chăm sóc con cái. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn giữa hai vợ chồng thì anh D đề nghị giao cả bốn cháu cho chị Lù Thị M được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự được bảo đảm đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng luật định.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lù Thị M. Xử cho chị Lù Thị M được ly hôn với anh Thào A D.

- Về con chung: Giao cháu Thào Minh B, sinh ngày 22/01/2020; Cháu Thào Sếnh H1, sinh ngày 31/8/2016; Cháu Thào Thị C, sinh ngày 25/4/2018 và cháu Thào A H2, sinh ngày 25/9/2014 cho chị Lù Thị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi, anh D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của vợ chồng.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là: Bà Nông Thị Thúy H đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lù Thị M. Xử cho chị Lù Thị M được ly hôn với anh Thào A D. Về con chung: Giao cháu Thào Minh B, sinh ngày 22/01/2020; Cháu Thào Sếnh H1, sinh ngày 31/8/2016; Cháu Thào Thị C, sinh ngày 25/4/2018 và cháu Thào A H2, sinh ngày 25/9/2014 cho chị Lù Thị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi, anh D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 14/10/2022 chị Lù Thị M có đơn khởi kiện "Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con chung khi ly hôn" đối với anh Thào A D tại Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Đây là quan hệ tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Lù Thị M và bị đơn anh Thào A D đều cư trú tại: Thôn L, xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa đã ban hành các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác, tiến hành công khai tài liệu chứng cứ cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân*:* Anh Thào A D và chị Lù Thị M và về sống chung với nhau từ năm 2014, đến ngày 12/9/2016 đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Lào Cai (Nay là Ủy ban nhân dân xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai) trên cơ sở tự nguyện. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của chị M và anh D là hợp pháp.

Tình trạng hôn nhân: Vợ chồng chị M, anh D chung sống hạnh phúc đến năm đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong vấn đề nuôi dậy con cái, dẫn đến việc hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, nhưng không được. Năm 2020, anh D phạm tội "Giết người"; bị xử phạt 08 năm tù giam, hiện đang chấp hành án tại phân trại số 3, Trại giam T, tỉnh Phú Thọ. Chị M đã không còn tình cảm với anh D, mâu thuẫn của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Anh D hiện đang phải chấp hành án tại phân trại số 3, Trại giam T, tỉnh Phú Thọ tuy nhiên anh D không nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh D đã kéo dài nhiều năm, đến năm 2020 anh D phải đi chấp hành án tại phân trại số C, Trại giam T, tỉnh Phú Thọ. Chị M đã không còn tình cảm với anh D, mâu thuẫn của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Lù Thị M là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Lù Thị M và anh Thào A D có 04 người con chung là các cháu Thào Minh B, sinh ngày 22/01/2020; Cháu Thào Sếnh

H1, sinh ngày 31/8/2016; Cháu Thào Thị C, sinh ngày 25/4/2018 và cháu Thào A H2, sinh ngày 25/9/2014. Hiện các cháu đều đang ở với mẹ là chị Lù Thị M.

Xét nguyện vọng nuôi con của hai bên đương sự và căn cứ quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định: Từ khi anh D phải đi chấp hành án tại Trại giam T thì cả 04 bốn con đều đang ở với mẹ là chị Lù Thị M. Chị M đề nghị Tòa án giao cả 04 con cho chị M được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung của vợ chồng. Ý kiến của anh D: Do anh đang phải chấp hành án phạt tù, không có điều kiện để chăm sóc các con. Nên anh đề nghị Tòa án nếu giải quyết ly hôn giữa anh và chị M đề nghị Tòa án giao các cháu Thào Minh B, Cháu Thào Sếnh H1, Cháu Thào Thị C, và cháu Thào A H2 cho mẹ là chị Lù Thị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ý kiến của chị M và anh D cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Thào A H2. Căn cứ Khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét thấy cần công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lù Thị M và anh Thào A D. Giao cháu Thào Minh B, sinh ngày 22/01/2020; Cháu Thào Sếnh H1, sinh ngày 31/8/2016; Cháu Thào Thị C, sinh ngày 25/4/2018 và cháu Thào A H2, sinh ngày 25/9/2014 cho mẹ là chị Lù Thị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, anh D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của vợ chồng là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh D đề nghị tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Lù Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83; Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lù Thị M. Xử cho chị Lù Thị M được ly hôn anh Thào A D.

2. Về con chung:

Giao cháu Thào Minh B, sinh ngày 22/01/2020; Cháu Thào Sếnh H1, sinh ngày 31/8/2016; Cháu Thào Thị C, sinh ngày 25/4/2018 và cháu Thào A H2, sinh ngày 25/9/2014 cho mẹ là chị Lù Thị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, anh D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của vợ chồng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lù Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Lù Thị M đã nộp tại biên lai số 0005070 ngày 04/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lù Thị M và anh Thào A D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND thị xã Sa Pa;
- Chi cục THADS thị xã Sa Pa;
- UBND xã Hoàng Liên;
- Lưu: VT, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Thắng